BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Hiệu lực từ ngày 11/11/2026

1. Thẻ ghi nợ nội địa ACB Green

Stt	Loại phí	Mức phí
1.	Phí gia nhập	50.000 VND/thẻ (gồm VAT). Hoàn phí nếu có phát sinh giao dịch chi tiêu/ rút tiền mặt (Sales/Cash): áp dụng có điều kiện [6]
2.	Phí thường niên	- Thẻ thứ 1[1]: ▪ Miễn phí: KH tham gia Gói sản phẩm dịch vụ tài chính (DVTC) dành cho Nguồn nhân lực Việt (EB) ▪ Các trường hợp còn lại: + Phí năm đầu: ◦ Miễn phí: Khi kết nối với TK Partner, TK EBIZ, TK Tài Lộc, TK First ◦ 50.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT): khi kết nối với các TK khác + Từ năm thứ 2 trở đi: 50.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT) - Từ thẻ thứ 2: 50.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)
3.	Phí cấp PIN giấy	50.000 VND/thẻ/lần
4.	Phí thay thế thẻ	200.000 VND/thẻ/lần
5.	Phí chuyển tiền liên ngân hàng qua thẻ trên ACB One	10.000 VND/lần
6.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí
7.	Các loại phí tại ATM	
7.1	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB [2]	- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK Tài Lộc, TK ECO+, TK Thương gia, TK First - Miễn phí năm đầu: khi kết nối với TK lương/ Payroll, TK ECO - Miễn phí 2 năm đầu: khi kết nối TK sinh viên - Trường hợp còn lại: Thu phí 1.100 VND/lần
7.2	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	- 1.100 VND/lần: khi kết nối với TK lương/ Payroll và áp dụng cho các Kênh phân phối phát hành thẻ theo mục 9 Phụ lục này, TK ECO (nếu Doanh nghiệp có tổng quỹ lương >=500trđ/tháng), TK ECO+ - 3.300 VND/lần: các trường hợp còn lại
7.3	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	- Không in biên lai: Miễn phí - In biên lai: 550 VND/lần
7.4	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	550 VND/ lần
7.5	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB	550 VND/ lần
8.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB	
8.1	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ	Miễn phí
8.2	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ [3]	0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND
9.	Phí tra soát giao dịch *(được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)*	100.000 VND/giao dịch khiếu nại
10.	Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt	Miễn phí
11.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu[4]	50.000 VND/lần
12.	Phí dịch vụ khác[5]	100.000 VND/lần

Ghi chú:

- *(1) Thẻ được đếm số lượng bao gồm:*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/gia hạn (tái cấp)*
  - *Lưu ý đối với Gói DVTC:*
    - *Thẻ nhận ưu đãi là thẻ thứ nhất và phải được cấp sau khi KH tham gia Gói DVTC*
    - *1 KH chỉ được 1 thẻ ghi nợ nhận ưu đãi của Gói DVTC (thẻ thỏa điều kiện đếm số lượng)*
    - *Nếu KH tham gia 2 Gói DVTC thì chỉ được nhận ưu đãi thẻ của 1 Gói DVTC bất kỳ*
    - *Với Gói EB, ngừng ưu đãi PTN nếu KH không còn thỏa điều kiện của Gói*
- *(2) Thời gian ưu đãi phí RTM tại ATM ACB là thời gian tối đa được áp dụng (do phụ thuộc vào thời điểm mở/chuyển đổi minor)*
- *(3) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *(4) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *(5) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *(6) Hoàn phí gia nhập:*
  - *Điều kiện áp dụng hoàn:*
    - *KH có phát sinh giao dịch chi tiêu/rút tiền mặt (Sales/Cash) trong vòng 30 ngày đầu kể từ ngày cấp thẻ mới. Cụ thể: Thẻ cấp tháng T, giao dịch thực hiện trong 30 ngày lịch kể từ ngày cấp thẻ và báo nợ thành công không trễ hơn 7 ngày lịch, phí gia nhập sẽ thu vào thời điểm cấp thẻ và sẽ được hoàn từ ngày 9 của tháng T+2 nếu thỏa điều kiện.*
    - *Áp dụng thẻ cấp mới từ 01/08/2026.*
  - *Điều kiện không áp dụng: không áp dụng cho các KH đóng thẻ/tài khoản liên kết thẻ vào thời điểm kết xuất dữ liệu hoàn phí.*
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*

2. Thẻ ghi nợ nội địa ACB Napas Business

STT	Loại phí	Mức phí	Ưu đãi phí
1.	Phí gia nhập	Miễn phí	
2.	Phí thường niên	60.000 VND/thẻ/năm	
3.	Phí cấp PIN giấy	50.000 VND/thẻ/lần	
4.	Phí thay thế thẻ	200.000 VND/thẻ/lần	
5.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí	
6.	Các loại phí tại ATM		
6.1	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB	Miễn phí	
6.2	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	3.300 VND/lần	
6.3	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	- Không in biên lai: Miễn phí - In biên lai: 550 VND/lần	
6.4	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	550 VND/ lần	
6.5	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB	Miễn phí	
7.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB		
7.1	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ	Miễn phí	
7.2	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ (1)	0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND	
8.	Phí tra soát giao dịch (được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)	100.000 VND/giao dịch khiếu nại	
9.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu (2)	50.000 VND/lần	
10.	Phí dịch vụ khác(3)	100.000 VND/lần	

Ghi chú:

(1) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh/TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền);

(2) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)

(3) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:

- *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ;*
- *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*

- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*

3. Thẻ ghi nợ nội địa đã ngưng phát hành

Stt	Loại phí	Mức phí			
		ACB 2GO	365 Style	Thẻ thương gia	Thẻ dành cho sinh viên (Thẻ sinh viên barcode)
1.	Phí thường niên	Miễn phí	50.000 VND/thẻ/năm *(gồm VAT)*	Miễn phí	50.000 VND/thẻ/năm *(gồm VAT)*
2.	Phí cấp PIN giấy	- Nhận tại Chi nhánh/Phòng giao dịch: 50.000 VND/Thẻ/lần - Nhận theo địa chỉ yêu cầu: 100.000 VND/Thẻ/lần			50.000 VND/Thẻ/lần
3.	Phí thay thế thẻ	Không áp dụng thay thẻ			
4.	Phí chuyển tiền liên ngân hàng qua thẻ trên ACB One	10.000 VND/lần			
5.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí			
6.	Các loại phí tại ATM				
6.1.	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB	- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK Tài Lộc, TK ECO+ - Các trường hợp còn lại: ▪ Phí năm đầu: + Miễn phí: khi kết nối với TK lương/ Payroll và TK ECO + Thu phí 1.100 VND/lần: khi kết nối với các TK khác ▪ Từ năm thứ 2 trở đi: thu phí 1.100 VND/lần	1.100 VND/lần	Miễn phí	- Năm đầu tiên, năm thứ 2: Miễn phí - Từ năm thứ 3 trở đi: 1.100 VND/lần
6.2.	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	- 1.100 VND/lần: khi kết nối với TK lương/ Payroll và áp dụng cho các Kênh phân phối phát hành thẻ theo Mục 10 – Phụ lục 1; TK ECO (nếu Doanh	3.300 VND/lần		

		nghiệp có tổng quỹ lương >=500trđ/tháng); TK ECO+ - 3.300 VND/lần: các trường hợp còn lại		
6.3.	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	- Miễn phí: không in biên lai - 550 VND/lần: in biên lai		- Năm đầu tiên, năm thứ 2: Miễn phí - Từ năm thứ 3 trở đi: ▪ Không in biên lai: Miễn phí ▪ In biên lai: 550 VND/lần
6.4.	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	550 VND/ lần	Miễn phí	550 VND/ lần
6.5.	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB	550 VND/ lần	Miễn phí	- Năm đầu tiên, năm thứ 2: Miễn phí - Từ năm thứ 3 trở đi: 550 VND/lần
7.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB			
7.1.	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ	Miễn phí		
7.2.	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ [1]	0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND		
8.	Phí tra soát giao dịch *(được tính khi Chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)*	100.000 VND/ giao dịch khiếu nại		
9.	Phí dịch vụ khác [2]	100.000 VND/lần		
10.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu [3]	Không áp dụng dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu		50.000 VND/lần

Ghi chú:

- *[1] Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh/TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *[2] Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *[3] Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*

4. Thẻ ghi nợ quốc tế Privilege Visa Signature Debit/ Privilege Visa Platinum Debit/ Visa Platinum Debit Thương gia

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Loại phí</th><th>Mức phí</th></tr>
<tr><td>1.</td><td>Phí gia nhập</td><td>Thẻ vật lý: 200.000 VND/thẻ (gồm VAT). Hoàn phí nếu có phát sinh giao dịch chi tiêu/ rút tiền mặt (Sales/Cash): áp dụng có điều kiện (6)</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Phí thường niên</td><td>- Thẻ thứ 1(1): Miễn phí
- Từ thẻ thứ 2: 199.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Phí cấp PIN giấy</td><td>50.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>Phí thay thế thẻ</td><td>200.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>Phí xử lý giao dịch (không áp dụng cho giao dịch VND)</td><td>Visa Platinum Debit Thương gia:
1,9% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch
Privilege Visa Signature/Platinum Debit: 0,9% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch. Áp dụng từ ngày 25/08/2025</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Phí chênh lệch tỷ giá (không áp dụng cho giao dịch VND)</td><td>Visa Platinum Debit Thương gia: 1% số tiền giao dịch quy đổi
Privilege Visa Signature/Platinum Debit: Miễn phí</td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài (áp dụng cho giao dịch VND)</td><td><table><tr><th>Thời điểm phát hành</th><th>Mức phí (2)</th></tr><tr><td>Trước ngày 10/03/2020</td><td>1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr><tr><td>Kể từ ngày 10/03/2020</td><td>1,5% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Phí nhận chuyển tiền nhanh qua thẻ (Fast Funds)</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>9.</td><td>Phí dịch vụ giao dịch ghi có</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>10.</td><td colspan="2">Các loại phí tại ATM</td></tr>
<tr><td>10.1</td><td>Phí rút tiền mặt tại ATM ACB</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>10.2</td><td>Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB</td><td>- Trong nước: Miễn phí
- Ngoài nước: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND</td></tr>
<tr><td>10.3</td><td>Phí vấn tin số dư tại ATM ACB</td><td>- Miễn phí: không in biên lai
- 550 VND/lần: in biên lai</td></tr>
<tr><td>10.4</td><td>Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB</td><td>10.000 VND/ lần</td></tr>
<tr><td>10.5</td><td>Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>11.</td><td colspan="2">Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB</td></tr>
<tr><td>11.1</td><td>Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>11.2</td><td>Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ (3)</td><td>0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND</td></tr>
<tr><td>12.</td><td>Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại CN/PGD khác ACB</td><td>- Phí rút tiền mặt: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND
- Phụ phí: Theo quy định của NHTT</td></tr>
<tr><td>13.</td><td>Phí tra soát giao dịch (được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)</td><td>100.000 VND/giao dịch khiếu nại</td></tr>
<tr><td>14.</td><td>Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt</td><td>Miễn phí</td></tr>
</table>

15.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu [4]	Miễn phí
16.	Phí dịch vụ khác [5]	100.000 VND/lần
17.	Phí giao dịch không thành công [7]	5.500 VND/ giao dịch

Ghi chú:

- *[1] Thẻ được đếm số lượng bao gồm:*
  - *Thẻ còn hiệu lực*
  - *Thẻ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/gia hạn (tái cấp)*

  Trường hợp cấp mới thẻ Visa Debit PLAT CASHBACK EMV UUTIEN/ Visa Debit PLAT CASHBACK EMV TGIA đầu tiên: Thẻ Visa Debit PLAT CASHBACK EMV UUTIEN/ Visa Debit PLAT CASHBACK EMV TGIA đầu tiên này sẽ được xem là thẻ thứ 1.
- *[2] Số tiền tối thiểu được điều chỉnh tăng từ 5.500 VND/giao dịch lên 10.000 VND/giao dịch kể từ 25/08/2021*
- *[3] Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *[4] Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *[5] Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*

  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.

  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *[6] Hoàn phí gia nhập:*
  - *Điều kiện áp dụng hoàn:*
    - *KH có phát sinh giao dịch chi tiêu/rút tiền mặt (Sales/Cash) trong vòng 30 ngày đầu kể từ ngày cấp thẻ mới. Cụ thể: Thẻ cấp tháng T, giao dịch thực hiện trong 30 ngày lịch kể từ ngày cấp thẻ và báo nợ thành công không trễ hơn 7 ngày lịch, phí gia nhập sẽ thu vào thời điểm cấp thẻ và sẽ được hoàn từ ngày 9 của tháng T+2 nếu thỏa điều kiện.*
    - *Áp dụng thẻ cấp mới từ 01/08/2026.*
  - *Điều kiện không áp dụng: không áp dụng cho các KH đóng thẻ/tài khoản liên kết thẻ vào thời điểm kết xuất dữ liệu hoàn phí.*
- *[7] Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
  - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
  - *Giao dịch vượt hạn mức.*
  - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*

5. Thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Loại phí</th><th>Mức phí</th></tr>
<tr><td>1.</td><td>Phí gia nhập (*)</td><td>- Thẻ phi vật lý: Miễn phí
- Thẻ vật lý: 200.000 VND/thẻ (gồm VAT). Hoàn phí nếu có phát sinh giao dịch chi tiêu/ rút tiền mặt (Sales/Cash): áp dụng có điều kiện.</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Phí thường niên (**)</td><td>- Thẻ thứ 1(1): 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)
▪ Miễn phí: KH tham gia Gói DVTC dành cho Nguồn nhân lực Việt (EB)
▪ Các trường hợp còn lại:
+ Phí năm đầu:
○ Miễn phí: Khi kết nối với TK EBIZ, TK Thương Gia, TK First
○ Thu 50% PTN: khi kết nối với các TK khác
+ Từ năm thứ 2 trở đi: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)
- Từ thẻ thứ 2: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Phí cấp PIN giấy</td><td>50.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>Phí thay thế thẻ</td><td>200.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>Phí in thẻ vật lý từ thẻ phi vật lý</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Phí xử lý giao dịch (không áp dụng cho giao dịch VND)</td><td>2,6% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Phí chênh lệch tỷ giá (không áp dụng cho giao dịch VND)</td><td>1% số tiền giao dịch quy đổi</td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài (áp dụng cho giao dịch VND)</td><td>
<table>
<tr><th>Tên SP thẻ trên DNA</th><th>Thời điểm phát hành thẻ</th><th>Quy định TK kết nối với thẻ</th><th>Mức phí (2)</th></tr>
<tr><td>Visa Debit Int CB EMV</td><td>Kể từ ngày 10/03/2020</td><td>Ebiz/ECO+/First/TKTT trực tuyến</td><td>1,5% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Visa Debit Int EMV(3)</td><td>Trước ngày 10/03/2020</td><td>Tất cả các TK</td><td rowspan="2">1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr>
<tr><td>Kể từ ngày 10/3/2020</td><td>TK khác Ebiz/ECO+/ First/TKTT trực tuyến</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>9.</td><td>Phí nhận chuyển tiền nhanh qua thẻ (Fast Funds)</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>10.</td><td>Phí dịch vụ giao dịch ghi có</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>11.</td><td>Các loại phí tại ATM</td><td></td></tr>
<tr><td>11.1</td><td>Phí rút tiền mặt tại ATM ACB (3)</td><td>- Miễn phí: Khi kết nối với TK EBIZ, TK ECO+, TK Tài Lộc, TK Thương gia, TKTT trực tuyến, TKTT First
- Miễn phí năm đầu: Khi kết nối với TK lương/ Payroll, TK ECO
- Các trường hợp còn lại: Thu phí 1.100 VND/lần</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Loại phí</th><th>Mức phí</th></tr>
<tr><td>11.2</td><td>Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB</td><td>
<table>
<tr><th>Tên SP thẻ</th><th>TKTT kết nối với thẻ</th><th>Mức phí</th></tr>
<tr><td>Visa Debit Int CB EMV</td><td>TK Ebiz/ECO+/ First /TKTT trực tuyến</td><td>- Trong nước: Miễn phí
- Nước ngoài: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND</td></tr>
<tr><td>Visa Debit Int EMV</td><td>TK còn lại</td><td>- Trong nước: 3.300 VND/lần
- Nước ngoài: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>11.3</td><td>Phí vấn tin số dư tại ATM ACB</td><td>- Miễn phí: không in biên lai
- 550 VND/lần: in biên lai</td></tr>
<tr><td>11.4</td><td>Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB</td><td>
<table>
<tr><th>Tên SP thẻ</th><th>TKTT kết nối với thẻ</th><th>Mức phí</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Visa Debit Int CB EMV</td><td>TK Ebiz/ECO+</td><td>10.000 VND/lần</td></tr>
<tr><td>TK còn lại</td><td>550 VND/lần</td></tr>
<tr><td>Visa Debit Int EMV</td><td>TK còn lại</td><td>550 D/lần</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>11.5</td><td>Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB</td><td>550 VND/lần</td></tr>
<tr><td>12.</td><td colspan="2">Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB</td></tr>
<tr><td>12.1.</td><td>Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>12.2.</td><td>Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ (4)</td><td>0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND</td></tr>
<tr><td>13.</td><td>Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại CN/PGD khác ACB</td><td>- Phí rút tiền mặt: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND
- Phụ phí: Theo quy định của NHTT</td></tr>
<tr><td>14.</td><td>Phí tra soát giao dịch (được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)</td><td>100.000 VND/giao dịch khiếu nại</td></tr>
<tr><td>15.</td><td>Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>16.</td><td>Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu (5) (***)</td><td>50.000 VND/lần</td></tr>
<tr><td>17.</td><td>Phí dịch vụ khác (6)</td><td>100.000 VND/lần</td></tr>
<tr><td>18.</td><td>Phí giao dịch không thành công (7)</td><td>5.500 VND/ giao dịch</td></tr>
</table>

Ghi chú:

- *(1) Thẻ được đếm số lượng bao gồm:*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/gia hạn (tái cấp)*
  - *Lưu ý đối với Gói DVTC:*
    - *Thẻ nhận ưu đãi là thẻ thứ nhất và phải được cấp sau khi KH tham gia Gói DVTC*
    - *1 KH chỉ được 1 thẻ ghi nợ nhận ưu đãi của Gói DVTC (thẻ thỏa điều kiện đếm số lượng)*
    - *Nếu KH tham gia 2 Gói DVTC thì chỉ được nhận ưu đãi thẻ của 1 Gói DVTC bất kỳ*
    - *Với Gói EB, ngừng ưu đãi PTN nếu KH không còn thỏa điều kiện của Gói*

- *(2) Số tiền tối thiểu được điều chỉnh tăng từ 5.500 VND/giao dịch lên 10.000 VND/giao dịch kể từ 25/08/2021*
- *(3) Thời gian ưu đãi phí RTM tại ATM ACB là thời gian tối đa được áp dụng (do phụ thuộc vào thời điểm mở/chuyển đổi minor)*
- *(4) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *(5) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *(6) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%
- *(*) Phí gia nhập:*
  - *Đối với sản phẩm thẻ ghi nợ phi vật lý: Miễn phí gia nhập (Không đếm số lượng thẻ)*
  - Đối với sản phẩm thẻ ghi nợ vật lý: Hoàn phí gia nhập:
    - *Điều kiện áp dụng hoàn:*
      - ✓ *KH có phát sinh giao dịch chi tiêu/rút tiền mặt (Sales/Cash) trong vòng 30 ngày đầu kể từ ngày cấp thẻ mới. Cụ thể: Thẻ cấp tháng T, giao dịch thực hiện trong 30 ngày lịch kể từ ngày cấp thẻ và báo nợ thành công không trễ hơn 7 ngày lịch, phí gia nhập sẽ thu vào thời điểm cấp thẻ và sẽ được hoàn từ ngày 9 của tháng T+2 nếu thỏa điều kiện.*
      - ✓ *Áp dụng thẻ cấp mới từ 01/08/2026.*
    - *Điều kiện không áp dụng: không áp dụng cho các KH đóng thẻ/tài khoản liên kết thẻ vào thời điểm kết xuất dữ liệu hoàn phí.*
- *(**) Đối với sản phẩm thẻ ghi nợ phi vật lý:*
  - *Miễn Phí thường niên năm đầu (Không đếm số lượng thẻ).*
  - *Sản phẩm thẻ Visa Debit Int CB EMV: Miễn phí thường niên khi kết nối TK Ebiz/ECO+; miễn phí thường niên năm đầu khi kết nối TK trực tuyến/TK First*
- *(***) Đối với sản phẩm thẻ ghi nợ phi vật lý: Miễn phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu.*
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *(7) Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok...). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*

6. Thẻ ghi nợ quốc tế Visa Digi Debit

<table>
<tr><th>Stt</th><th>Loại phí</th><th>Mức phí</th></tr>
<tr><td>1.</td><td>Phí gia nhập</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>2.</td><td>Phí thường niên</td><td>300.000 VND/thẻ/năm</td></tr>
<tr><td>3.</td><td>Phí cấp PIN giấy</td><td>50.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>4.</td><td>Phí thay thế thẻ</td><td>200.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>5.</td><td>Phí in thẻ vật lý từ thẻ phi vật lý</td><td>100.000 VND/thẻ/lần</td></tr>
<tr><td>6.</td><td>Phí xử lý giao dịch (không áp dụng cho giao dịch VND)</td><td><table><tr><th>Hình thức giao dịch ghi nợ</th><th>Mức phí</th></tr><tr><td>Giao dịch trực tuyến / Ecommerce</td><td>1,5% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr><tr><td>Các hình thức khác (**)</td><td>2,6% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>7.</td><td>Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài (áp dụng cho giao dịch VND)</td><td><table><tr><th>Hình thức giao dịch</th><th>Mức phí</th></tr><tr><td>Giao dịch trực tuyến/ Ecommerce</td><td>1% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr><tr><td>Các hình thức khác (**)</td><td>1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>8.</td><td>Phí chênh lệch tỷ giá (không áp dụng cho giao dịch VND)</td><td><table><tr><th>Hình thức giao dịch</th><th>Mức phí</th></tr><tr><td>Giao dịch trực tuyến/ Ecommerce</td><td>0% số tiền giao dịch quy đổi</td></tr><tr><td>Các hình thức khác (**)</td><td>1% số tiền giao dịch quy đổi</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>9.</td><td>Phí nhận chuyển tiền nhanh qua thẻ (Fast Funds)</td><td>Miễn phí</td></tr>
<tr><td>10.</td><td>Phí dịch vụ giao dịch ghi có</td><td><table><tr><th>Hình thức giao dịch</th><th>Mức phí</th></tr><tr><td>Giao dịch trực tuyến/ Ecommerce</td><td>1.5% số tiền giao dịch quy đổi</td></tr><tr><td>Các hình thức khác (*)</td><td>Miễn phí</td></tr></table></td></tr>
<tr><td>11.</td><td colspan="2">Các loại phí ATM</td></tr>
<tr><td>11.1.</td><td>Phí vấn tin số dư tại ATM ACB</td><td>- Miễn phí: không in biên lai
- 550 VND/lần: in biên lai</td></tr>
<tr><td>11.2.</td><td>Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB</td><td>10.000 VND/ lần</td></tr>
<tr><td>11.3.</td><td>Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB</td><td>550 VND/lần</td></tr>
<tr><td>12.</td><td>Phí tra soát giao dịch (được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)</td><td>100.000VND/giao dịch khiếu nại</td></tr>
</table>

13.	Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt	Miễn phí
14.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu (1)	50.000 VND/lần
15.	Phí dịch vụ khác (2)	100.000 VND/lần
16.	Phí giao dịch không thành công (3)	5.500 VND/giao dịch.

Ghi chú:

- *Thẻ ghi nợ quốc tế Visa Digi Debit chỉ áp dụng đối với các giao dịch thanh toán trực tuyến (E-commerce). Thẻ không hỗ trợ các giao dịch thực hiện trực tiếp tại điểm chấp nhận thẻ (POS) và giao dịch rút tiền mặt, bao gồm:*
  - *Giao dịch tại POS bằng thẻ: Giao dịch đọc chip và giao dịch thanh toán không tiếp xúc (Contactless)*
  - *Giao dịch tại POS bằng thiết bị thanh toán đã liên kết với thẻ: Thanh toán không tiếp xúc bằng điện thoại hoặc thiết bị đeo thông qua các ví như Apple Pay, Samsung Pay, Google Pay, Garmin Pay hoặc các phương thức tương tự*
  - *Giao dịch rút tiền mặt: Tại ATM hoặc quầy giao dịch*
- *(**) Các hình thức khác là các giao dịch ngoài giao dịch thanh toán trực tuyến (E-commerce) theo quy định của ACB trong từng thời kỳ, không bao gồm các giao dịch thuộc phạm vi không hỗ trợ đối với Thẻ ACB Visa Digi*
- *(1) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *(2) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *(3) Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*

7. Thẻ ghi nợ quốc tế Lotusmiles Pay

STT	Loại phí		Mức phí
1	Phí gia nhập		Miễn phí
2	Phí thường niên	Thẻ chính (/thẻ/năm)	100.000 VND (gồm VAT)
		Năm đầu tiên	Miễn phí
3	Phí cấp PIN giấy		50.000 VND/thẻ/lần
4	Phí thay thế thẻ		200.000 VND/thẻ/lần
5	Phí in thẻ vật lý từ thẻ phi vật lý		Miễn phí
6	Phí xử lý giao dịch (không áp dụng cho giao dịch VND)		1,9%, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch
7	Phí chênh lệch tỷ giá (không áp dụng cho giao dịch VND)		Miễn phí
8	Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài (áp dụng cho giao dịch VND)		1,5%, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch
10	Phí nhận chuyển tiền nhanh qua thẻ (Fast Funds)		Miễn phí
11	Phí dịch vụ giao dịch ghi có		Miễn phí
12	Các loại phí tại ATM		
12.1	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB[1]		- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK ECO+, TK Thương gia, TK Lương nhân viên, TK Blue Diamond, TK Payroll Ưu đãi, TK KH Ưu tiên, TK Nhận lãi, TKTT Trực tuyến, TKTT Trực tuyến EB, TKTT First - Các trường hợp còn lại: Thu phí 1.100 VND/lần
12.2	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	Trong nước	Miễn phí
		Nước ngoài	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND
12.3	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	Không in biên lai	Miễn phí
		In biên lai	- Miễn phí: khi kết nối với TK KH Ưu tiên - Các trường hợp còn lại: Thu phí 550 VND/lần
12.4	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB		550 VND/ lần
12.5	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB		- Miễn phí: khi kết nối với TK Lương nhân viên, TK TGTT Thương gia, TK KH Ưu tiên - Các trường hợp còn lại: Thu phí 550 VND/lần
13	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB		
13.1	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ		Miễn phí
13.2	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ [2]		Miễn phí
14	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại CN/PGD khác ACB		Miễn phí
15	Phí tra soát giao dịch (được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)		100.000 VND/giao dịch khiếu nại
16	Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt		Miễn phí
17	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu[3]		50.000 VND/lần
18	Phí dịch vụ khác[4]		100.000 VND/lần
19	Phí giao dịch không thành công [5]		5.500 VND/ giao dịch.

Ghi chú:
Biểu phí được duy trì theo phân hạng thẻ tại thời điểm cấp thẻ, không thay đổi dù hạng hội viên Bông Sen Vàng của khách hàng thay đổi.

- *(1) Thời gian ưu đãi phí RTM tại ATM ACB là thời gian tối đa được áp dụng (do phụ thuộc vào thời điểm mở/chuyển đổi minor)*
- *(2) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
  (3) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)
- *(4) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ. Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *(5) Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*

8. Thẻ ghi nợ quốc tế MasterCard Debit

Stt	Loại phí	Mức phí
1.	Phí gia nhập	Thẻ vật lý: 200.000 VND/thẻ (gồm VAT). Hoàn phí nếu có phát sinh giao dịch chi tiêu/ rút tiền mặt (Sales/Cash): áp dụng có điều kiện [7]
2.	Phí thường niên	- Thẻ thứ 1[1]: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT) ▪ Miễn phí: KH tham gia Gói DVTC dành cho Nguồn nhân lực Việt (EB) ▪ Các trường hợp còn lại: + Phí năm đầu: o Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK First, TK Thương Gia o Thu 50% PTN: khi kết nối với các TK khác + Từ năm thứ 2 trở đi: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT) - Từ thẻ thứ 2: 100.000 VND/thẻ/năm
3.	Phí cấp PIN giấy	50.000 VND/thẻ/lần
4.	Phí thay thế thẻ	200.000 VND/thẻ/lần
5.	Phí xử lý giao dịch *(không áp dụng cho giao dịch VND)*	2,6% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch
6.	Phí chênh lệch tỷ giá *(không áp dụng cho giao dịch VND)*	1% số tiền giao dịch quy đổi
7.	Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài *(áp dụng cho giao dịch VND)*	1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch[2]
8.	Phí nhận chuyển tiền nhanh qua thẻ MasterCard (Moneysend)	Miễn phí
9.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí
10.	Các loại phí tại ATM	
10.1	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB[3]	- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK Tài Lộc, TK ECO+, TK Thương gia, TK First - Miễn phí năm đầu: Khi kết nối với TK lương/ Payroll, TK ECO - Các trường hợp còn lại: Thu phí 1.100 VND/lần
10.2	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND
10.3	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	- Miễn phí: không in biên lai - 550 VND/lần: in biên lai
10.4	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	10.000 VND/ lần
10.5	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB	550 VND/lần
11.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB	
11.1	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ	Miễn phí
11.2	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ [4]	0,03%*số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND
12.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại CN/PGD khác ACB	- Phí rút tiền mặt: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND - Phụ phí: Theo quy định của NHTT
13.	Phí tra soát giao dịch *(được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)*	100.000 VND/giao dịch khiếu nại
14.	Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt	Miễn phí
15.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu [5]	50.000 VND/lần
16.	Phí dịch vụ khác [6]	100.000 VND/lần
17.	Phí giao dịch không thành công [8]	5.500 VND/ giao dịch

Ghi chú:

- *[1] Thẻ được đếm số lượng bao gồm:*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/gia hạn (tái cấp)*
  - *Lưu ý đối với Gói DVTC:*

- *Thẻ nhận ưu đãi là thẻ thứ nhất và phải được cấp sau khi KH tham gia Gói DVTC*
- *1 KH chỉ được 1 thẻ ghi nợ nhận ưu đãi của Gói DVTC (thẻ thỏa điều kiện đếm số lượng)*
- *Nếu KH tham gia 2 Gói DVTC thì chỉ được nhận ưu đãi thẻ của 1 Gói DVTC bất kỳ*
- *Với Gói EB, ngừng ưu đãi PTN nếu KH không còn thỏa điều kiện của Gói*

- *(2) Số tiền tối thiểu được điều chỉnh tăng từ 5.500 VND/giao dịch lên 10.000 VND/giao dịch kể từ 25/08/2021*
- *(3) Thời gian ưu đãi phí RTM tại ATM ACB là thời gian tối đa được áp dụng (do phụ thuộc vào thời điểm mở/chuyển đổi minor)*
- *(4) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *(5) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *(6) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *(7) Hoàn phí gia nhập:*
  - *Điều kiện áp dụng hoàn:*
    - *KH có phát sinh giao dịch chi tiêu/rút tiền mặt (Sales/Cash) trong vòng 30 ngày đầu kể từ ngày cấp thẻ mới. Cụ thể: Thẻ cấp tháng T, giao dịch thực hiện trong 30 ngày lịch kể từ ngày cấp thẻ và báo nợ thành công không trễ hơn 7 ngày lịch, phí gia nhập sẽ thu vào thời điểm cấp thẻ và sẽ được hoàn từ ngày 9 của tháng T+2 nếu thỏa điều kiện.*
    - *Áp dụng thẻ cấp mới từ 01/08/2026.*
  - *Điều kiện không áp dụng: không áp dụng cho các KH đóng thẻ/tài khoản liên kết thẻ vào thời điểm kết xuất dữ liệu hoàn phí.*
- *(8) Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ*

9. Thẻ ghi nợ quốc tế ACB JCB Debit

Stt	Loại phí	Mức phí
1.	Phí gia nhập	Thẻ vật lý: 200.000 VND/thẻ (gồm VAT). Hoàn phí nếu có phát sinh giao dịch chi tiêu/ rút tiền mặt (Sales/Cash): áp dụng có điều kiện [7]
2.	Phí thường niên	- Thẻ thứ 1[1]: ▪ Miễn phí: KH tham gia Gói sản phẩm dịch vụ tài chính (DVTC) dành cho Nguồn nhân lực Việt (EB) ▪ Miễn phí năm đầu: khi kết nối với TK EBIZ, TK First ▪ Miễn phí 02 năm đầu: khi kết nối với TK Sinh viên ▪ Trường hợp còn lại: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT) - Từ thẻ thứ 2: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)
3.	Phí cấp PIN giấy	50.000 VND/thẻ/lần
4.	Phí thay thế thẻ	200.000 VND/thẻ/lần
5.	Phí xử lý giao dịch *(không áp dụng cho giao dịch VND)*	2,6% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch
6.	Phí chênh lệch tỷ giá *(không áp dụng cho giao dịch VND)*	1% số tiền giao dịch quy đổi
7.	Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài *(áp dụng cho giao dịch VND)*	1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch [2]
8.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí
9.	Các loại phí tại ATM	
9.1.	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB [3]	- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK Tài Lộc, TK ECO+, TK Thương gia, TK First - Miễn phí năm đầu: Khi kết nối với TK lương/ Payroll, TK ECO - Miễn phí 2 năm đầu: Khi kết nối với TK Sinh viên - Trường hợp còn lại: Thu phí 1.100 VND/lần
9.2.	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	- Trong nước: 9.900 VND/lần - Ngoài nước: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND.
9.3.	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	- Miễn phí: không in biên lai - 550 VND/lần: in biên lai
9.4.	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	10.000 VND/lần
9.5.	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB	550 VND/lần
10.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB	
10.1.	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ	Miễn phí
10.2.	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ [4]	0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND
11.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại CN/PGD khác ACB	- Phí rút tiền mặt: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND - Phụ phí: Theo quy định của NHTT
12.	Phí tra soát giao dịch *(được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)*	100.000 VND/giao dịch khiếu nại
13.	Phí dịch vụ đăng ký hạn mức cao/ hạn mức giao dịch đặc biệt	Miễn phí
14.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu [5]	50.000 VND/lần
15.	Phí dịch vụ khác [6]	100.000 VND/lần
16.	Phí giao dịch không thành công [8]	5.500 VND/ giao dịch

Ghi chú:

- *[1] Thẻ được đếm số lượng bao gồm:*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/gia hạn (tái cấp)*
  - *Lưu ý đối với Gói DVTC:*
    - *Thẻ nhận ưu đãi là thẻ thứ nhất và phải được cấp sau khi KH tham gia Gói DVTC*

- *1 KH chỉ được 1 thẻ ghi nợ nhận ưu đãi của Gói DVTC (thẻ thỏa điều kiện đếm số lượng)*
- *Nếu KH tham gia 2 Gói DVTC thì chỉ được nhận ưu đãi thẻ của 1 Gói DVTC bất kỳ*
- *Với Gói EB, ngừng ưu đãi PTN nếu KH không còn thỏa điều kiện của Gói*

- *(2) Số tiền tối thiểu được điều chỉnh tăng từ 5.500 VND/giao dịch lên 10.000 VND/giao dịch kể từ 25/08/2021*
- *(3) Thời gian ưu đãi phí RTM tại ATM ACB là thời gian tối đa được áp dụng (do phụ thuộc vào thời điểm mở/chuyển đổi minor)*
- *(4) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *(5) Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *(6) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%.
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *(7) Hoàn phí gia nhập:*
  - *Điều kiện áp dụng hoàn:*
    - *KH có phát sinh giao dịch chi tiêu/rút tiền mặt (Sales/Cash) trong vòng 30 ngày đầu kể từ ngày cấp thẻ mới. Cụ thể: Thẻ cấp tháng T, giao dịch thực hiện trong 30 ngày lịch kể từ ngày cấp thẻ và báo nợ thành công không trễ hơn 7 ngày lịch, phí gia nhập sẽ thu vào thời điểm cấp thẻ và sẽ được hoàn từ ngày 9 của tháng T+2 nếu thỏa điều kiện.*
    - *Áp dụng thẻ cấp mới từ 01/08/2026.*
  - *Điều kiện không áp dụng: không áp dụng cho các KH đóng thẻ/tài khoản liên kết thẻ vào thời điểm kết xuất dữ liệu hoàn phí.*
- *(8) Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*

10. Thẻ ghi nợ quốc tế ACB Visa Business

Stt	Loại phí	Mức phí	Ưu đãi phí
1.	Phí gia nhập	Miễn phí	
2.	Phí thường niên	200.000 VND/thẻ/năm	- Miễn phí thường niên năm đầu tối đa 5 thẻ/ khách hàng tổ chức. Thẻ được đếm số lượng gồm: + Thẻ còn hiệu lực + Thẻ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/ gia hạn Đối với KHCN là chủ HKD/DNTN mở thẻ ghi nợ Visa Business (CN): Giảm tối đa 50% phí thường niên năm đầu, áp dụng khi thỏa tiêu chí (**)
3.	Phí cấp PIN giấy	50.000 VND/thẻ/lần	
4.	Phí thay thế thẻ	200.000 VND/thẻ/lần	
5.	Phí xử lý giao dịch (không áp dụng cho giao dịch VND)	1,9% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch	
6.	Phí chênh lệch tỷ giá (không áp dụng cho giao dịch VND)	1% trên số tiền giao dịch quy đổi	
7.	Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài (áp dụng cho giao dịch VND)	1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch	
8.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí	
9.	Các loại phí tại ATM		
9.1.	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB	Miễn phí	
9.2.	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	Không in biên lai: miễn phí In biên lai: 550 VND/lần	
9.3.	Phí đổi mật mã (PIN)	Miễn phí	
9.4.	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	- Trong nước: Miễn phí - Ngoài nước: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND	
9.5.	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	10.000 VND/ lần	
10.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB		
10.1.	Rút tiền mặt để gửi tiết kiệm ngay tại quầy	Miễn phí	
10.2.	Các trường hợp còn lại	- Phí rút tiền mặt: Miễn phí - Phụ phí: 1% số tiền giao dịch, tối thiểu 3.000 VND	
11.	Phí rút tiền mặt tại POS của Đơn vị chấp nhận thẻ được cung ứng tiền mặt (khác ACB)	- Phí rút tiền mặt: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND - Phụ phí: Theo quy định của NHTT	
12.	Phí tra soát giao dịch (được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)	100.000 VND/giao dịch khiếu nại	
13.	Phí dịch vụ giao thẻ/PIN theo địa chỉ yêu cầu(1)	50.000 VND/lần	
14.	Phí dịch vụ khác(2)	100.000 VND/lần	

15.	Phí giao dịch không thành công [3]	5.500 VND/ giao dịch	

Ghi chú:

- *[1] Phí dịch vụ được tính cho 1 lần phát hành cả thẻ và PIN hoặc chỉ có thẻ hoặc PIN (PIN giấy chỉ áp dụng trong từng trường hợp cụ thể được ACB phê duyệt)*
- *[2]: Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
  - *Dịch vụ giao thẻ/PIN theo yêu cầu*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%.
- *[**] Ưu đãi giảm tối đa 50% phí thường niên năm đầu do TĐV hoặc người được ủy quyền quyết định, áp dụng cho khách hàng vào tháng T khi thoả các tiêu chí sau:*
  - ✓ *KH có tổng DSGD trực tuyến/ ecommerce tại đại lý nước ngoài vào tháng T-1 ≥ 100 triệu đồng; và*
  - ✓ *Tỷ lệ thành công theo doanh số và số lượng giao dịch vào tháng T-1 ≥ 50%*
- *Phí thường niên đối với thẻ gia hạn: thu khi thẻ được gia hạn thành công. Trường hợp KH gia hạn trước thời điểm thẻ hết hiệu lực, Phí thường niên các tháng hiệu lực còn lại đã thu trên thẻ cũ sẽ không được hoàn lại.*
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *[3] Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*

11. Thẻ ghi nợ quốc tế đã ngưng phát hành

Stt	Loại phí	Mức phí		
		Visa Debit Worldcup	Visa Debit Extra	ACB UrBox Visa Debit
1.	Phí thường niên	100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)		- Thẻ thứ 1[(1)]: + Phí năm đầu: Miễn phí + Từ năm thứ 2 trở đi: 100.000 VND/thẻ (gồm VAT) - Từ thẻ thứ 2: 100.000 VND/thẻ/năm (gồm VAT)
2.	Phí cấp PIN giấy	- Nhận tại Chi nhánh/Phòng giao dịch: 50.000 VND/Thẻ - Nhận theo địa chỉ yêu cầu: 100.000 VND/Thẻ		50.000 VND/thẻ/lần
3.	Phí xử lý giao dịch *(không áp dụng cho giao dịch VND)*	2,6% số tiền giao dịch quy đổi, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch		
4.	Phí chênh lệch tỷ giá *(không áp dụng cho giao dịch VND)*	1% số tiền giao dịch quy đổi		
5.	Phí xử lý giao dịch đại lý nước ngoài *(áp dụng cho giao dịch VND)*	1,2% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch [(2)]		1,5% số tiền giao dịch, tối thiểu 10.000 VND/giao dịch
6.	Phí nhận chuyển tiền nhanh qua thẻ (Fast funds)	Miễn phí		
7.	Phí dịch vụ giao dịch ghi có	Miễn phí		
8.	Các loại phí tại ATM			
8.1.	Phí rút tiền mặt tại ATM ACB [(3)]	- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK Tài Lộc - 1.100 VND/lần: các trường hợp còn lại		- Miễn phí: khi kết nối với TK EBIZ, TK Tài Lộc, TK ECO+, TK Thương gia, TK Lương nhân viên, TK Blue Diamond, TK Payroll Ưu đãi, TK KH Ưu tiên, TK Nhận lãi, TKTT Trực tuyến, TKTT Trực tuyến EB, TKTT First - Miễn phí năm đầu: Khi kết nối với TK lương/ Payroll, TK ECO - Miễn phí 2 năm đầu: Khi kết nối TK Sinh viên - Các trường hợp còn lại: Thu phí 1.100 VND/lần

8.2.	Phí rút tiền mặt tại ATM khác ACB	3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND	- Trong nước: 3.300 VND/lần - Nước ngoài: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND
8.3.	Phí vấn tin số dư tại ATM ACB	- Miễn phí: không in biên lai - 550 VND/lần: in biên lai	
8.4.	Phí vấn tin số dư tại ATM khác ACB	10.000 VND/ lần	- Kết nối TK Ebiz/Eco+: 10.000đ/lần - Kết nối TK khác: 550đ/lần
8.5.	Phí in sao kê giao dịch tại ATM ACB	550 VND/lần	
9.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại KPP của ACB		
9.1.	Cùng tỉnh/TP nơi mở thẻ	Miễn phí	
9.2.	Khác tỉnh/TP nơi mở thẻ (4)	0,03% * số tiền giao dịch, tối thiểu 15.000 VND, tối đa 1.000.000 VND	
10.	Phí rút tiền mặt tại POS đặt tại CN/PGD khác ACB	- Phí rút tiền mặt: 3% số tiền giao dịch, tối thiểu 60.000 VND - Phụ phí: Theo quy định của NHTT	
11.	Phí tra soát giao dịch *(được tính khi chủ thẻ khiếu nại không chính xác giao dịch)*	100.000 VND/ giao dịch khiếu nại	
12.	Phí dịch vụ khác (5)	100.000 VND/lần	
13.	Phí giao dịch không thành công (6)	5.500 VND/ giao dịch.	

Ghi chú:

- *(1) Thẻ được đếm số lượng bao gồm:*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực*
  - *Thẻ ghi nợ bất kỳ còn hiệu lực nhưng đã huỷ trong vòng 6 tháng gần nhất tính đến thời điểm cấp mới/gia hạn (tái cấp)*
- *(2) Số tiền tối thiểu được điều chỉnh tăng từ 5.500 VND/giao dịch lên 10.000 VND/giao dịch kể từ 25/08/2021*
- *(3) Thời gian ưu đãi phí RTM tại ATM ACB là thời gian tối đa được áp dụng (do phụ thuộc vào thời điểm mở/chuyển đổi minor)*
- *(4) Miễn phí rút tiền mặt khác tỉnh//TP nơi mở thẻ nếu chính chủ thẻ thực hiện giao dịch (không áp dụng đối với người được ủy quyền)*
- *(5) Áp dụng cho các yêu cầu của chủ thẻ, bao gồm nhưng không giới hạn các yêu cầu:*
  - *Xác nhận theo yêu cầu chủ thẻ*
  - *Cấp bản sao hóa đơn giao dịch*
- *Tùy vào loại hình giao dịch, số tiền giao dịch và các loại phí liên quan bao gồm (1) phí xử lý giao dịch, (2) phí chênh lệch tỷ giá và (3) khoản dự phòng biến động tỷ giá - áp dụng cho giao dịch khác VND, (4) phí rút tiền mặt - áp dụng cho giao dịch rút tiền mặt sẽ được hệ thống tạm phong tỏa cho đến khi giao dịch được ghi nợ vào thẻ.*
  Số tiền giao dịch và các loại phí liên quan này sẽ được giải tỏa và tính toán lại theo tỷ giá, mức phí của ngày giao dịch được ghi nợ vào thẻ.
  Dự phòng biến động tỷ giá từ 0% đến 2,0%.
- *Phí cấp PIN giấy: áp dụng khi KH yêu cầu cấp PIN giấy và yêu cầu này được ACB phê duyệt.*
- *(6) Phí chỉ áp dụng đối với một số giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ quốc tế ACB, khi đồng thời thỏa các điều kiện sau:*
  - *Giao dịch không thành công tại các đơn vị chấp nhận thẻ thuộc nhóm quảng cáo số và dịch vụ số (Vd: Google, TikTok…). Các trường hợp giao dịch không thành công bao gồm:*
    - *Tài khoản thanh toán liên kết với thẻ không đủ số dư.*
    - *Giao dịch vượt hạn mức.*
    - *Thẻ đang trong trạng thái tạm khóa.*
  - *Doanh số giao dịch trong tháng dưới 3 triệu đồng; và*
  - *Có từ 30 giao dịch bị từ chối trong tháng trên cùng một thẻ.*